

Số: 3524 /QĐ -STC

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước quý III năm 2021 tỉnh Thừa Thiên Huế

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 86/QĐ-UB ngày 15/12/2016 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về việc quy định tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước địa phương năm 2021;

Căn cứ Công văn số 9712/UBND-TC ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về đẩy mạnh công khai ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý ngân sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Quý III năm 2021 các biểu kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý ngân sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh; (để báo cáo)
- Cổng thông tin điện tử TT Huế;
- Ban biên tập Website Sở Tài chính (để đăng tin)
- Lưu: VT, QLNS (N-4).

Bf

GIÁM ĐỐC

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện Quý III/2021	So sánh với dự toán	So sánh với cùng kỳ
A	B	3	2	3=2/1	4,0
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.065.190	7.741.906	127,6	123,0
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	5.597.190	7.216.726	128,9	120,8
2	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	455.000	409.028	89,9	132,1
3	Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN	13.000	116.152	893,5	1.463,1
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HƯỞNG	10.447.051	10.329.064	98,9	114,6
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp (gồm thu để lại chi)	5.095.290	6.900.064	135,4	124,0
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.206.761	3.429.000	65,9	99,4
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách (gồm bổ sung tiền lương)	2.528.134	1.899.000	75,1	118,0
-	Thu bổ sung có mục tiêu	2.678.627	1.530.000	57,1	83,1
3	Thu kết dư	0	0	0,0	0,0
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	145.000	0	0,0	0,0
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.679.351	7.284.542	68,2	90,7
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	10.525.450	7.122.743	67,7	93,9
1	Chi đầu tư phát triển	3.613.207	1.994.748	55,2	106,3
2	Chi thường xuyên	6.696.776	5.125.896	76,5	89,7
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	26.523	0		
4	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	10.689	919	8,6	
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	1.180	100,0	
6	Dự phòng ngân sách	177.075	0	0,0	
II	Chi chương trình mục tiêu	140.901	105.676	75,0	
III	Chi từ khoản thu quản lý qua ngân sách nhà nước	13.000	56.123	431,7	31,0
D	BỘI THU, BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (+ BỘI THU, - BỘI CHI)	-232.300	3.044.522		
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	239.600	32.820	13,7	
1	Vay trong nước	0	0		

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện Quý III/2021	So sánh với dự toán	So sánh với cùng kỳ
A	B	3	2	3=2/1	4,0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	239.600	32.820	13,7	
F	TRẢ NỢ GỐC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.300	3.500	47,9	0,0
1	Từ nguồn vay mới để trả nợ gốc	0	0	0,0	
2	Từ bội thu ngân sách địa phương	7.300	3.500	47,9	
3	Tăng thu, tiết kiệm chi	0	0	0,0	
4	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	0	0	0,0	

**THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021
ĐẾN QUÝ III**

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	HĐND tỉnh giao	Lũy kế đến tháng 9	So sánh	
			với dự toán	Với cùng kỳ
	1	2	3=2/1	4
A. TỔNG CÁC KHOẢN THU NSNN (I + II + III)	6.065.190	7.741.906	127,6	125,4
I- THU NỘI ĐỊA	5.597.190	7.216.726	128,9	122,8
Thu nội địa không gồm tiền sử dụng đất, thu xổ số, thu phí tham quan di tích	4.727.190	4.836.710	102,3	113,4
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	142.000	126.217	88,9	115,8
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	173.000	138.990	80,3	89,7
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.930.000	2.139.656	110,9	112,8
4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	920.000	921.790	100,2	128,0
5. Thuế bảo vệ môi trường	640.000	515.779	80,6	100,7
<i>Trong đó: Thuế xuất nhập khẩu xăng dầu cơ quan Hải quan quản lý</i>	<i>401.900</i>	<i>323.909</i>	<i>80,6</i>	<i>100,9</i>
6. Thuế thu nhập cá nhân	220.000	344.866	156,8	123,2
7. Lệ phí trước bạ	210.000	251.482	119,8	161,2
8. Thu phí, lệ phí	161.000	121.513	75,5	69,6
- Phí, lệ phí cơ quan Trung ương thực hiện thu	40.000	37.286	93,2	143,4
- Phí, lệ phí cơ quan địa phương thực hiện thu	121.000	84.227	69,6	102,7
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	13.190	9.851	74,7	116,2
10. Tiền sử dụng đất	800.000	2.324.984	290,6	156,1
11. Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	105.000	57.739	55,0	96,9
12. Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	0	1.699		141,6
13. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	29.000	57.086	196,8	127,7

NỘI DUNG	HĐND tính giao	Lũy kế đến tháng 9	So sánh	
			với dự toán	Với cùng kỳ
	1	2	3=2/1	4
- Do Trung ương cấp	23.000	21.186	92,1	88,9
- Do địa phương cấp	6.000	35.900	598,3	175,7
14. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	70.000	55.032	78,6	97,0
15. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	24.000	15.767	65,7	76,4
16. Thu khác ngân sách	120.000	131.020	109,2	93,6
<i>Trong đó: + Thu khác ngân sách trung ương</i>	<i>50.000</i>	<i>50.433</i>	<i>100,9</i>	<i>100,9</i>
17. Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận còn lại	40.000	3.255	8,1	6,0
II- THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU	455.000	409.028	89,9	143,1
III - THU VIỆN TRỢ, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP	13.000	116.152	893,5	1.564,3

**CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021
ĐẾN QUÝ III**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021 địa phương	Thực hiện đến quý III	So sánh với dự toán
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.679.351	7.284.542	68,2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH KHÔNG GỒM CHI TỪ NGUỒN HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP	10.666.351	7.228.419	67,8
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.525.450	7.122.743	67,7
I	Chi đầu tư phát triển	3.613.207	1.994.748	55,2
1	Vốn đầu tư XDCB nguồn vốn trong nước	475.420	302.625	63,7
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	792.700	538.735	68,0
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	70.000	44.438	63,5
4	Chi đầu tư từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	2.035.487	1.076.130	52,9
5	Chi đầu tư từ nguồn vốn vay Chính phủ về cho vay lại	239.600	32.820	13,7
II	Chi thường xuyên	6.696.776	5.125.896	76,5
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.965.435	2.189.000	73,8
2	Chi y tế, dân số và gia đình	624.068	425.236	68,1
3	Chi khoa học và công nghệ	41.733	28.115	67,4
4	Chi văn hóa thông tin	98.024	76.891	78,4
5	Chi phát thanh, truyền hình	40.123	17.195	42,9
6	Chi thể dục thể thao	32.966	18.769	56,9
7	Chi bảo đảm xã hội	435.318	347.895	79,9
8	Chi các sự nghiệp kinh tế	702.916	595.276	84,7
9	Chi sự nghiệp môi trường	224.016	168.012	75,0

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021 địa phương	Thực hiện đến quý III	So sánh với dự toán
A	B	1	2	3=2/1
10	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	1.338.918	1.049.526	78,4
11	Chi sự nghiệp khác	42.652	54.190	127,1
III	Chi trả nợ lãi, phí do chính quyền địa phương vay	10.689	919	0,0
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	1.180	0,0
V	Dự phòng ngân sách	177.075	0	0,0
VI	Chi cải cách tiền lương	26.523	0	0,0
B	CHI TỪ NGUỒN VIỆN TRỢ, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP	13.000	56.123	431,7
C	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU SỰ NGHIỆP (**)	140.901	105.676	75,0
	BỘỊ CHI	232.300	0	

Ghi chú: Chi dự phòng đã hạch toán lên từng sự nghiệp